

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 17/01/2018.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Sỹ Tuân** - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Nhậm**.

Ông **Trương Hoàng Tân**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Linh Thu Hồng** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông **Phan Văn Trường** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 627/2017/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **A**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 1401/20 tổ 18 ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn*: Anh **B**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 1323/51 tổ 19, ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn chị A trình bày:* Chị và anh B tự nguyện kết hôn với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn do hai người tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã về các vấn đề trong cuộc sống. Từ tháng 3/2017 đến nay anh chị đã ly thân không còn chung sống với nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Hai vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu C, sinh ngày 22/7/2001 và cháu D, sinh ngày 31/8/2005. Sau khi ly hôn, chị xin được chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi hai con 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh B trình bày:* Anh và chị A tự nguyện kết hôn với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh không quan tâm gia đình, có hành vi đánh bạc nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Từ tháng 3/2017 đến nay anh chị đã ly thân không còn chung sống với nhau. Nay chị A xin ly hôn thì anh không đồng ý vì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn thương yêu vợ con.

Về con chung: Hai vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu C, sinh ngày 22/7/2001 và cháu D, sinh ngày 31/8/2005. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị A và các con có nguyện vọng sống cùng mẹ thì anh đồng ý giao hai con cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và anh cấp dưỡng nuôi hai con 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ. Phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B, giao hai con chung cho chị A chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục, anh B cấp dưỡng nuôi hai con 3.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị A và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã N, huyện P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 01/12/2000 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chị A, anh B phát sinh mâu thuẫn nhiều vấn đề trong cuộc sống và không thể hàn gắn, hiện nay chị A, anh B đã sống ly thân. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị A và anh B không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho chị A được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[2] *Về con chung*: Chị A và anh B có hai con chung là cháu C, sinh ngày 22/7/2001 và cháu D, sinh ngày 31/8/2005. Chị A đề nghị được nuôi hai con chung và các con đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó giao cháu C, sinh ngày 22/7/2001 và cháu D, sinh ngày 31/8/2005 cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh B đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con 3.000.000đ/tháng, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, chị A và anh B vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh B được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị A phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A.

Chị A được ly hôn với anh B.

Về con chung: Giao cháu C, sinh ngày 22/7/2001 và cháu D, sinh ngày 31/8/2005 cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh B cấp dưỡng nuôi hai con chung 3.000.000đ/tháng, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, chị A và anh B vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh B được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai thu số 006845 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí chị A phải nộp. Anh B phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

Chị A, anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H.Long Thành (1);
- Chi cục THA.DS H.Long Thành (1);
- UBND xã N (1)
- Các đương sự (2);
- Lưu: HS, VP, BP, TP(4).

Mai Sỹ Tuấn